

Số: **3827**/NHCS-TDNN

*Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2013*

## **HƯỚNG DẪN**

**Thực hiện cho vay vốn theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015**

Căn cứ Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013-2015.

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-UBDT ngày 28/10/2013 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện một số điều Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013-2015.

Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn thực hiện cho vay vốn để hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013-2015 như sau:

### **1. Phạm vi áp dụng**

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn giai đoạn 2013-2015 thuộc 13 tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long, gồm: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và thành phố Cần Thơ.

### **2 Đối tượng cho vay**

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (kể cả hộ có vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số), đời sống khó khăn, được xác định theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 31/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015 cư trú ổn định, hợp pháp tại địa phương; có tên trong Danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã quản lý lập, xác nhận.

### **3. Mục đích sử dụng vốn vay**

- a) Vốn vay được sử dụng cho nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh.
- b) Vốn vay được sử dụng cho nhu cầu chi phí đi học nghề.
- c) Vốn vay được sử dụng cho nhu cầu chi phí đi xuất khẩu lao động.
- d) Vốn vay được sử dụng cho nhu cầu chuộc lại đất sản xuất đã chuyển nhượng, thế chấp.

#### **4. Về nghiệp vụ cho vay**

a) Đối với cho vay để chi phí đi học nghề: Việc cho vay được thực hiện theo hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH tại văn bản số 2162A/NHCS-TD ngày 02/10/2007 về việc hướng dẫn thực hiện cho vay đối với học sinh, sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và các văn bản liên quan khác.

b) Đối với cho vay để chi phí đi xuất khẩu lao động: Việc cho vay được thực hiện theo hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH tại văn bản số 2667/NHCS-TDNN ngày 21/9/2009 về việc hướng dẫn thực hiện cho vay người lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động theo Quyết định 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản liên quan khác. Riêng kết quả cho vay đi xuất khẩu lao động được báo cáo theo mẫu đính kèm.

c) Đối với cho vay để phát triển sản xuất, kinh doanh: Việc cho vay được thực hiện theo hướng dẫn của Tổng Giám đốc tại văn bản số 2744/NHCS-TDNN ngày 06/8/2013 Hướng dẫn thực hiện cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015 theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Riêng kết quả cho vay phát triển sản xuất kinh doanh được báo cáo theo mẫu đính kèm.

d) Đối với cho vay để chuộc lại đất sản xuất đã chuyển nhượng, thế chấp:

- Hộ vay có tên trong Danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn được UBND cấp huyện phê duyệt.

Trường hợp, thành viên trong hộ đứng tên vay vốn không trùng với tên người đại diện hộ dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn trong Danh sách được UBND cấp huyện phê duyệt thì phải được UBND cấp xã nơi hộ vay cư trú xác nhận quan hệ của người vay và người có tên trong Danh sách hộ dân tộc thiểu số nghèo là thành viên trong cùng một hộ. Việc xác nhận này được Chủ tịch UBND cấp xã ghi, ký tên, đóng dấu vào dưới phần “Cam kết của hộ vay” trên Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD).

- Mức cho vay tối đa 30 triệu đồng/hộ.

- Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng (5 năm).

- Lãi suất cho vay: 0,1%/tháng (1,2%/năm). Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.

- Thủ tục, quy trình, nghiệp vụ cho vay, quản lý và xử lý nợ vay,...được thực hiện theo hướng dẫn của Tổng Giám đốc tại văn bản số 2744/NHCS-TDNN nêu trên.

- Kết quả cho vay được báo cáo theo mẫu đính kèm.

#### **5. Công tác kế hoạch**

Hàng năm, NHCSXH phối hợp với UBND địa phương lập kế hoạch nhu cầu vốn cho vay đối với chương trình cho vay hộ DTTS nghèo, đời sống khó khăn gửi NHCSXH cấp trên trực tiếp theo quy định hiện hành của NHCSXH.

#### **6. Hạch toán kế toán**

NHCSXH nơi cho vay hạch toán các khoản cho vay vốn hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn vào tài khoản “Cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn” theo chế độ quy định.

## 7. Chế độ báo cáo, thống kê

Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố thực hiện báo cáo, thống kê hàng tháng theo Quyết định số 1466/QĐ-NHCS ngày 17/6/2011 của Tổng giám đốc NHCSXH về việc báo cáo, thống kê áp dụng trong hệ thống NHCSXH.

## 8. Tổ chức thực hiện

a) NHCSXH các địa phương thuộc 13 tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long có trách nhiệm báo cáo UBND và Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp để triển khai thực hiện Quyết định 29/2013/QĐ-TTg.

b) Tổ chức phổ biến nội dung Quyết định 29/2013/QĐ-TTg tới cán bộ NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, Tổ TK&VV và UBND cấp xã để triển khai chương trình cho vay đúng quy định.

c) Tổ chức tuyên truyền và công khai chủ trương, chính sách, danh sách hộ vay vốn, công khai dư nợ tới đông đảo quần chúng nhân dân biết để giám sát việc thực hiện chính sách tín dụng đối với hộ DTTS nghèo, đời sống khó khăn.

d) Các khoản dư nợ cho vay hộ DTTS nghèo, đời sống khó khăn theo Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg, NHCSXH nơi cho vay tiếp tục theo dõi, thu hồi, thực hiện xử lý nợ đến hạn theo quy định hiện hành tại văn bản số 3106/NHCS-TD ngày 06/11/2008 về việc hướng dẫn thực hiện cho vay theo Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg và Quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 27/01/2011 của Hội đồng quản trị NHCSXH.

Trên đây là hướng dẫn của Tổng Giám đốc về cho vay vốn hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn theo Quyết định 29/2013/QĐ-TTg và Thông tư số 03/2013/TT-UBND. Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày 12/12/2013. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, chi nhánh báo cáo Hội sở chính NHCSXH (qua Ban Tín dụng người nghèo) để xem xét, giải quyết./.

*(Gửi kèm Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 03/2013/TT-UBND ngày 28/10/2013 của Ủy ban Dân tộc và văn bản 2744/NHCS-TDNN ngày 06/8/2013 Hướng dẫn thực hiện cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015).*

### Nơi nhận:

- VP Chính phủ; } (Đề b/c)
- Ủy ban Dân tộc; }
- HLH Phụ nữ VN; }
- Hội Nông dân VN; } (Đề p/hợp
- Hội CCB VN; } thực hiện)
- TW ĐTN CS HCM;
- Tổng Giám đốc;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Các Ban CMNV tại HSC;
- SGD, TTĐT, TT CNTT;
- CN NHCSXH các tỉnh, TP;
- Website NHCSXH;
- Lưu: VT, TK, PC, TDNN.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



**Võ Minh Hiệp**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO ĐBĐTTS NGHÈO,  
ĐONSÓNG KHÓ KHĂN VÙNG ĐỒNG BÀNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2013-2015**  
(Theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ)

Tháng..... Năm.....

Đơn vị tính: triệu đồng, hộ, lao động

Chi nhánh	DOANH SỐ CHO VAY		DOANH SỐ THU NỢ		XOÁ NỢ		TỔNG DƯ NỢ	Tổng dư nợ phân theo tính chất nợ			Tổng dư nợ phân theo thời hạn			Số khách hàng còn dư nợ	Lấy kế số lao động vay từ đầu năm	Lấy kế số lượt hộ vay vốn từ đầu năm
	Tháng này	Lấy kế từ đầu năm	Tháng này	Lấy kế từ đầu năm	Tháng này	Lấy kế từ đầu năm		Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoanh	Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn			
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Phát triển sản xuất kinh doanh																
Chi phí đi xuất khẩu lao động																
Chuộc đất sản xuất																
<b>Tổng cộng (1+2+3)</b>																

**Lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**Kiểm soát**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)

Số: 29/2013/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2013

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XA HƯ	
<b>ĐẾN</b>	Số: ... 99.5 ...
	Ngày: .. 22.5. 2013
	Chuyên: Kế hoạch, Tài chính
	Lưu: ... VT ...

**QUYẾT ĐỊNH**

Về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) giai đoạn 2013 - 2015.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, thường trú ổn định, hợp pháp tại địa phương thuộc 13 tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và thành phố Cần Thơ.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, có đời sống khó khăn, được xác định theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015 do Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý tại thời điểm điều tra mà chưa có đất ở, không có đất sản xuất, chưa được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về đất ở, có nhu cầu về vốn để tạo việc làm, tăng thu nhập cho gia đình.

### **Điều 3. Nguyên tắc và mục đích sử dụng**

#### **1. Nguyên tắc:**

a) Giao đất trực tiếp cho các hộ gia đình chưa có đất để làm nhà ở, hỗ trợ bằng tiền cho các đối tượng cần vốn để làm các ngành nghề hoặc để chuộc lại đất sản xuất đã chuyển nhượng, thế chấp;

b) Việc giao đất hoặc hỗ trợ bằng tiền phải bảo đảm công khai, công bằng, dân chủ, đúng đối tượng thông qua chính quyền và các tổ chức đoàn thể, tiến hành bình xét từ cơ sở thôn, ấp;

c) Mỗi đối tượng nêu ở Điều 2 Quyết định này được giải quyết chính sách về đất ở, hỗ trợ cho vay vốn để chuyển đổi ngành nghề một lần theo quy định tại Điều 4 của Quyết định này.

#### **2) Mục đích sử dụng:**

a) Các hộ được cấp đất ở phải làm nhà ở, không được chuyển nhượng, thế chấp, mua bán cho người khác trong thời gian 10 năm, kể từ ngày được Nhà nước giao đất. Trong thời hạn này, nếu hộ được cấp đất di chuyển đi nơi khác thì phải giao lại đất đã được cấp cho chính quyền địa phương;

b) Các hộ, lao động được hỗ trợ cho vay vốn để chuyển đổi ngành nghề phải sử dụng kinh phí đúng mục đích.

### **Điều 4. Chính sách hỗ trợ**

#### **1. Hỗ trợ về đất ở:**

a) Căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở và khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố xem xét, quyết định giao đất để làm nhà ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo phù hợp với điều kiện, tập quán ở địa phương và phù hợp với pháp luật về đất đai;

b) Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương để mua đất cấp trực tiếp tối đa cho mỗi hộ chưa có đất ở là 30 triệu đồng/hộ;

c) Mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho mỗi hộ để mua đất làm nhà ở tùy thuộc vào giá cả đất đai mỗi nơi, khả năng cân đối ngân sách hàng năm của địa phương và huy động các nguồn hợp pháp khác, nhưng tối thiểu không dưới 10% so với mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương;

d) Ở những nơi có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương sử dụng số tiền hỗ trợ để tổ chức san lấp, tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật để cấp đất ở cho các đối tượng được thụ hưởng.

## 2. Hỗ trợ vay vốn để tạo việc làm, phát triển sản xuất:

a) Chính quyền địa phương vận động những hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, không có đất sản xuất, nhưng có lao động chưa có việc làm hoặc có việc làm không ổn định chuyển qua làm các ngành nghề khác trong nông thôn. Những đối tượng này được ưu tiên hỗ trợ cho vay vốn để họ tạo việc làm mới, phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho gia đình;

b) Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn hưởng các chính sách vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh được thực hiện theo quy định tại Điều 3 (trừ tiết a khoản 1), Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 04 tháng 12 năm 2012 về "Ban hành chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015";

c) Một số trường hợp cá biệt đối với các hộ trước đây đã chuyển nhượng, thế chấp đất sản xuất, nay không còn đất, nhưng thực sự có kinh nghiệm sản xuất, có nhu cầu đất để sản xuất và được người nhận chuyển nhượng, thế chấp đồng ý cho chuộc lại đất với giá thấp hoặc vận động được bà con thân tộc nhượng bán với giá rẻ thì giải quyết mức vốn vay theo nhu cầu thực tế, nhưng tối đa cũng không quá 30 triệu đồng/hộ. Chính sách về lãi suất và các chính sách khác được thực hiện như quy định tại Điều 3, Quyết định 54/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành ngày 04 tháng 12 năm 2012;

Đối với những trường hợp cá biệt này phải được chính quyền, đoàn thể cấp phường, xã xem xét chặt chẽ và trình Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành phố (thuộc tỉnh) quyết định;

d) Lao động đi học nghề được hưởng các chính sách quy định tại Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2009 về "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020"; lao động đi làm việc ở nước ngoài được hưởng các chính sách hỗ trợ quy định tại Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 29 tháng 4 năm 2009 về "Đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020" và các chính sách khác theo quy định hiện hành.

### **Điều 5. Nguồn vốn và cơ chế tài chính thực hiện**

1. Nguồn vốn thực hiện trong giai đoạn 2013 - 2015 bao gồm ngân sách trung ương cấp hỗ trợ hàng năm, ngân sách địa phương và huy động các nguồn hợp pháp khác để thực hiện chính sách.

a) Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương để mua đất cấp cho các đối tượng thụ hưởng làm nhà ở được phân bổ theo kế hoạch vốn đầu tư hàng năm, trong giai đoạn 2013 - 2015;

b) Ngân sách trung ương cấp qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 04 tháng 12 năm 2012 về "Ban hành chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015".

## 2. Cơ chế tài chính:

Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương và cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội trên cơ sở dự toán ngân sách hàng năm của các đơn vị; thực hiện quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn vốn hỗ trợ này theo quy định hiện hành;

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố nêu ở Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quyết định;

a) Công bố công khai các tiêu chuẩn, đối tượng và chỉ đạo lập danh sách cụ thể các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn tại địa phương, phê duyệt kế hoạch nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu hàng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc trước ngày 30 tháng 8 hàng năm để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trong kế hoạch ngân sách năm sau;

b) Chỉ đạo lồng ghép nguồn vốn thực hiện các chính sách của Quyết định này với các chương trình, dự án, các chính sách khác trên địa bàn;

c) Giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị, thành phố (thuộc tỉnh) phê duyệt danh sách đối tượng được thụ hưởng các chính sách tại địa phương để làm căn cứ cho Ngân hàng Chính sách xã hội tiến hành cho vay và thu hồi nợ;

d) Tập trung chỉ đạo, kiểm tra cấp huyện, thị, thành phố (thuộc tỉnh) giải quyết các chính sách nêu tại Quyết định này đúng mục đích, đúng đối tượng; không để xảy ra thất thoát, tiêu cực; định kỳ (6 tháng/01 lần) báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban Dân tộc để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về kết quả triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành liên quan tổng hợp, xây dựng kế hoạch chung thực hiện các chính sách quy định tại Quyết định này; hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Quyết định; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra; định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Quyết định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.



3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, thống nhất với Bộ Tài chính tổng hợp kế hoạch và bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu hàng năm cho các địa phương; cấp vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, trình Thủ tướng Chính phủ, trình Quốc hội xem xét, quyết định.

4. Bộ Tài chính cấp vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo tiến độ thực hiện; chỉ đạo công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra chặt chẽ việc cấp vốn đến đúng đối tượng, không để thất thoát, xảy ra tiêu cực.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long thống nhất cách giải quyết những vấn đề liên quan đến đất đai, nhanh chóng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình được hưởng chính sách và tập trung chỉ đạo giải quyết những vấn đề khác liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo cấp dưới (ở các địa phương) chủ trì, phối hợp với các đoàn thể, các đơn vị doanh nghiệp tập trung giải quyết việc làm cho các đối tượng và hướng dẫn kịp thời cho các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long thực hiện các chính sách có liên quan.

7. Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn quy trình, thủ tục cho vay, thu hồi nợ và có thể ủy thác từng phần qua các tổ chức chính trị xã hội cấp cơ sở trong việc cho vay vốn. Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội. Ngân hàng Chính sách xã hội căn cứ vào Quyết định này và văn bản hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc để bổ sung chỉnh sửa văn bản hướng dẫn quy trình và thủ tục cho vay; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban Dân tộc để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về kết quả triển khai thực hiện Quyết định này.

8. Các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm kiểm tra, hỗ trợ các địa phương thực hiện có hiệu quả các chính sách quy định tại Quyết định này.

### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2013 và thay thế Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2008 - 2010.

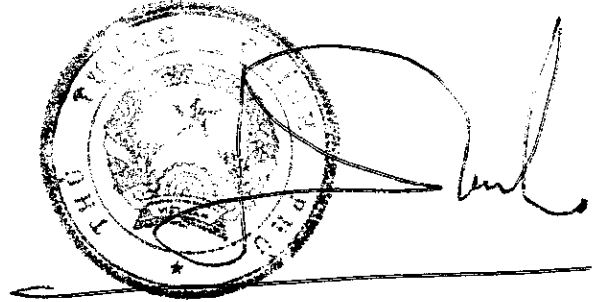
## **Điều 8. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng sông Cửu Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh: Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Đồng Tháp, Bến Tre, Tiền Giang, Long An và thành phố Cần Thơ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, V.III (3b). *xh 202*

**THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Tấn Dũng**

Số: 05 / 2013 / TT-UBDT

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

ĐẾN

Số: 2276.....

Ngày: 11.11.2013

Chuyên: Ban. LH, Các ban

LƯU: VT

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2013

**THÔNG TƯ**

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013-2015

Căn cứ Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12/10/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013-2015;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Dân tộc;

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ,

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Thông tư này hướng dẫn việc thực hiện chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013-2015.

**Điều 2. Đối tượng thụ hưởng chính sách**

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (kể cả vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số), đời sống khó khăn, được xác định theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 31/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015, cư trú ổn định, hợp pháp tại 13 tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long, có trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý lập, xác nhận tại thời điểm điều tra xác định hộ được hưởng chính sách mà chưa có đất ở, không có đất sản xuất, chưa được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về đất ở, có nhu cầu về vốn để tạo việc làm, tăng thu nhập cho gia đình.

**Điều 3. Nguyên tắc thực hiện**

1. Các hộ được cấp đất ở không được chuyển nhượng, thế chấp, mua bán cho người khác trong thời hạn 10 năm, kể từ ngày được Nhà nước giao đất, nếu vi phạm thì Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định thu hồi đất.

2. Ưu tiên những hộ chưa được hưởng chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm theo Quyết định 74/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, những hộ khó khăn hơn được thực hiện trước.

3. Hàng năm địa phương phải thực hiện rà soát đưa những hộ chưa hưởng chính sách đã thoát nghèo và những hộ đã đi khỏi địa bàn nơi cư trú ra khỏi danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg.

#### **Điều 4. Chính sách hỗ trợ**

##### **1. Hỗ trợ về đất ở:**

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để tạo quỹ đất cấp cho các hộ dân thuộc đối tượng hưởng chính sách;

Căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở và khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp theo thẩm quyền xem xét, quyết định giao đất ở để làm nhà ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo phù hợp với điều kiện, tập quán của địa phương và phù hợp với các quy định của pháp luật về đất đai; mức hỗ trợ theo quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 4 Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg;

b) Trường hợp tổ chức san lấp mặt bằng để tạo quỹ đất ở: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu xã có đủ các điều kiện theo quy định thì giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã) tổ chức lập dự án, san lấp mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật thiết yếu. Lập dự án và tổ chức thực hiện dự án tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng. Nguồn vốn được sử dụng từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ tương ứng với số hộ được giao đất và nguồn vốn đối ứng, bổ sung từ ngân sách địa phương.

##### **2. Hỗ trợ vay vốn để tạo việc làm, phát triển sản xuất:**

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn hưởng các chính sách vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-UBDT ngày 24/6/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số điều Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Lao động đi học nghề được hưởng các chính sách quy định tại Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/7/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” ban hành theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; lao động đi làm việc ở nước ngoài được hưởng các chính sách hỗ trợ quy định tại Thông tư liên tịch 31/2009/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 09/9/2009 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn Quyết định 71/2009/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án “Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009-2020” và các chính sách khác theo quy định hiện hành. Cơ quan công tác Dân tộc cấp tỉnh tổng hợp danh sách các hộ thuộc đối tượng có nhu cầu học nghề, xuất khẩu lao động, báo cáo Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh để giao cho cơ quan chức năng thực hiện đào tạo nghề và xuất khẩu lao động.

## **Điều 5. Trình tự, thủ tục xét duyệt đối tượng thụ hưởng chính sách**

### **1. Hỗ trợ về đất ở:**

a) Trưởng thôn, bản, ấp và tương đương (sau đây gọi chung là ấp) tổ chức họp mời đại diện tất cả các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo của ấp có trong danh sách hộ nghèo của xã, thông báo về nội dung chính sách và chỉ đạo của xã trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được chỉ đạo của xã.

Các hộ không có đất ở đăng ký với trưởng ấp nhu cầu hưởng chính sách hỗ trợ; trưởng ấp lập danh sách các hộ đăng ký. Thời gian hoàn thành trong 03 ngày làm việc kể từ ngày ấp tổ chức họp thông báo về nội dung chính sách và chỉ đạo của xã;

b) Trưởng ấp phối hợp với đại diện các tổ chức chính trị - xã hội ấp, cán bộ địa chính xã kiểm tra thực trạng đất ở của các hộ đăng ký, lập biên bản kiểm tra và tổ chức họp bình xét. Trưởng ấp cử người ghi biên bản họp, có chữ ký xác nhận của trưởng ấp, của đại diện các tổ chức chính trị - xã hội ấp, kèm theo danh sách hộ đã được bình xét theo thứ tự ưu tiên; lập tài liệu (gồm biên bản họp bình xét và danh sách) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn đăng ký;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, tổng hợp tài liệu của các ấp và đối chiếu với các tiêu chí về đối tượng thụ hưởng quy định tại Điều 2 Thông tư này, lập danh sách theo thứ tự ưu tiên tại xã có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; lập 02 bộ tài liệu (gồm văn bản đề nghị kèm theo danh sách) gửi 01 bộ cho cơ quan công tác Dân tộc cấp huyện và 01 bộ niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tài liệu hợp lệ của các ấp;

d) Cơ quan công tác Dân tộc cấp huyện rà soát, tổng hợp hồ sơ của các xã, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở theo thứ tự ưu tiên trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các xã;

Hồ sơ 01 bộ bao gồm:

- Văn bản đề nghị phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách;
- Bảng tổng hợp danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách do cơ quan công tác Dân tộc cấp huyện lập;

2. Vay vốn để chuộc lại đất sản xuất đã chuyển nhượng, thế chấp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg; trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

a) Trưởng ấp tổ chức họp mời đại diện tất cả các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách của ấp, thông báo về nội dung chính sách và chỉ đạo của xã trong thời gian 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được chỉ đạo của xã.

Hộ có nhu cầu vay vốn làm đơn gửi trường ấp và trình bày rõ việc đã chuyển nhượng, thế chấp đất trước đây, nguyện vọng tiếp tục có đất để sản xuất, nêu rõ sẽ chuộc lại đất hoặc được bà con thân tộc nhượng bán, số tiền cần vay và cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích. Thời gian nhận đơn là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của trường ấp;

b) Trường ấp tiếp nhận đơn, tổng hợp danh sách các hộ có đơn đăng ký, chủ trì tổ chức họp ấp có sự tham gia của cán bộ địa chính xã, các tổ chức chính trị - xã hội ấp. Hộ được xét cho vay vốn phải được trên 1/2 số người dự họp biểu quyết nhất trí. Trường ấp cử người ghi biên bản có ký xác nhận của trường ấp, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội ấp; lập tài liệu (gồm biên bản họp kèm danh sách và đơn của các hộ được xét cho vay vốn) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành trong 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn nộp đơn đăng ký của các hộ;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp hồ sơ của các ấp, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức kiểm tra thực tế và họp bình xét từng trường hợp; lập biên bản họp bình xét và danh sách hộ được thụ hưởng chính sách, có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và đại diện các tổ chức chính trị - xã hội xã; lập 02 bộ tài liệu (gồm văn bản đề nghị, biên bản họp bình xét và danh sách) gửi 01 bộ cho cơ quan công tác Dân tộc cấp huyện và 01 bộ niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã. Thời gian hoàn thành trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tài liệu hợp lệ của các ấp;

d) Cơ quan công tác Dân tộc cấp huyện rà soát, tổng hợp hồ sơ của các xã, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định phê duyệt danh sách các hộ được vay vốn. Thời gian hoàn thành trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các xã;

Hồ sơ 01 bộ bao gồm:

- Văn bản đề nghị phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách;
- Bảng tổng hợp danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách do cơ quan công tác Dân tộc cấp huyện lập;

đ) Ngân hàng Chính sách Xã hội cấp huyện căn cứ hồ sơ của Ủy ban nhân dân huyện, hướng dẫn thủ tục vay vốn cho các hộ trong danh sách và thực hiện cho vay theo quy định.

## **Điều 6. Quản lý, sử dụng vốn**

1. Công tác quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán vốn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Quy trình, thủ tục cho vay, thu hồi nợ thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách Xã hội.

## **Điều 7. Công tác lập kế hoạch, chế độ báo cáo**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ nội dung chính sách theo Quyết định 29/2013/QĐ-TTg, hướng dẫn tại Thông tư này tổ chức triển khai việc rà soát,

xác định đối tượng và nhu cầu vốn của giai đoạn 2013-2015 của địa phương gửi Ủy ban Dân tộc để tổng hợp xây dựng kế hoạch chung.

2. Hàng năm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu vốn thực hiện chính sách tại Quyết định 29/2013/QĐ-TTg gửi Ủy ban Dân tộc cùng thời điểm lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

3. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chính sách tại địa phương gửi Ủy ban Dân tộc để tổng hợp kết quả chung báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2013.

2. Các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Ủy ban Dân tộc để xem xét, giải quyết. / *Phuoc*

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các Đoàn thể;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản- Bộ Tư pháp;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Cơ quan công tác Dân tộc các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Vụ, đơn vị trực thuộc UBĐT;
- Website Ủy ban Dân tộc;
- Lưu: VT, CSDT(06), PC (03).

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Sơn Phước Hoan**

Số: 2744 /NHCS-TDNN

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2013

## **HƯỚNG DẪN**

**Thực hiện cho vay vốn phát triển sản xuất đối với  
hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015  
theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ**

Căn cứ Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2013/TT-UBDT ngày 24/6/2013 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện một số điều Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg,

Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn thực hiện cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là hộ DTTS ĐBKK) giai đoạn 2012-2015 như sau:

### **1. Điều kiện vay vốn**

Hộ DTTS ĐBKK thuộc đối tượng được vay vốn theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg phải có đủ các điều kiện sau:

a) Hộ dân tộc thiểu số (kể cả hộ có vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số) cư trú hợp pháp, ổn định ở các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) thuộc vùng khó khăn quy định tại Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và các Quyết định khác của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn; có tên trong Danh sách hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn do Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã lập và được UBND cấp huyện phê duyệt.

Trường hợp, thành viên trong hộ đứng tên vay vốn không trùng với tên người đại diện hộ DTTS ĐBKK trong Danh sách được UBND cấp huyện phê duyệt thì phải được UBND cấp xã nơi hộ vay cư trú xác nhận quan hệ của người vay và người có tên trong Danh sách hộ DTTS ĐBKK là thành viên trong cùng một hộ. Việc xác nhận này được Chủ tịch UBND cấp xã ghi, ký tên, đóng dấu vào dưới phần “Cam kết của hộ vay” trên Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD).

b) Có phương án hoặc nhu cầu sử dụng vốn vay để sản xuất, kinh doanh được chính quyền cùng các tổ chức chính trị - xã hội của thôn hỗ trợ gia đình lập. Phương án hoặc nhu cầu sử dụng vốn vay được lập theo mẫu số 01/TD “Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay”.

c) Phải sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, không được sử dụng khoản vốn vay để gửi lại vào các ngân hàng khác.



## **2. Mức cho vay**

a) Hộ vay có thể vay một hoặc nhiều lần nhưng tổng các lần vay không vượt quá 8 triệu đồng/hộ.

b) Trường hợp hộ có nhu cầu vay vốn ngoài mức quy định trên, thì áp dụng chính sách cho vay hộ nghèo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

## **3. Thời hạn cho vay**

Thời hạn cho vay được xác định căn cứ vào chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của hộ vay nhưng tối đa không quá 5 năm (60 tháng).

## **4. Lãi suất cho vay**

a) Lãi suất cho vay: 0,1%/tháng (1,2%/năm).

b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.

Ngoài lãi suất cho vay, hộ vay không phải trả thêm bất kỳ một khoản phí nào khác, bao gồm cả lệ phí làm thủ tục hành chính trong việc vay vốn.

## **5. Phương thức cho vay**

Thực hiện theo phương thức ủy thác một số nội dung công việc cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã. Cơ chế ủy thác cho vay chương trình này tương tự như cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Hộ vay là thành viên Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) được thành lập theo quy định của NHCSXH.

## **6. Hồ sơ vay vốn**

a) Hộ vay vốn

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD).

- Sổ vay vốn.

b) Tổ TK&VV

- Biên bản họp Tổ TK&VV mẫu số 10A/TD đối với Tổ thành lập mới hoặc mẫu số 10C/TD đối với trường hợp kết nạp bổ sung tổ viên.

- Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD).

## **7. Quy trình cho vay**

a) Khi hộ DTTS ĐBKK có nhu cầu vay vốn, UBND cấp xã hoặc một trong các tổ chức chính trị - xã hội thôn hỗ trợ hộ vay lập Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo mẫu số 01/TD để gửi Tổ TK&VV.

b) Tổ TK&VV cùng tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã, Trưởng thôn tổ chức họp đối chiếu tên người đề nghị vay vốn với Danh sách hộ DTTS ĐBKK được UBND cấp huyện phê duyệt. Hộ DTTS ĐBKK được Tổ TK&VV đề nghị NHCSXH cho vay đảm bảo theo thứ tự ưu tiên trong danh sách hộ DTTS ĐBKK đã được UBND cấp huyện phê duyệt (ưu tiên những hộ khó khăn hơn và những hộ chưa được vay theo Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của

Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn trước). Sau đó lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH theo mẫu số 03/TD kèm Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) và biên bản họp bình xét cho vay có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham dự cuộc họp gồm: Tổ trưởng Tổ TK&VV, Trưởng thôn, Hội đoàn thể cấp xã gửi Ban giám nghèo cấp xã để trình UBND cấp xã xác nhận.

c) Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách 03/TD, Tổ TK&VV gửi NHCSXH hồ sơ vay vốn gồm: Danh sách mẫu số 03/TD kèm Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay theo mẫu số 01/TD và Biên bản họp bình xét cho vay để làm thủ tục phê duyệt cho vay.

d) Cán bộ NHCSXH kiểm tra hồ sơ vay vốn đảm bảo đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, hộ có tên trong Danh sách 03/TD có xác nhận của UBND cấp xã phù hợp với Danh sách hộ DTTS ĐBKK được UBND cấp huyện phê duyệt thì trình Giám đốc phê duyệt cho vay, đồng thời lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi UBND cấp xã và làm thủ tục giải ngân theo quy định.

Trường hợp chưa đầy đủ các yếu tố theo quy định thì cán bộ NHCSXH hướng dẫn Tổ TK&VV làm lại hồ sơ và thủ tục theo quy định.

đ) UBND cấp xã thông báo kết quả phê duyệt cho vay cho tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác cấp xã để thông báo cho Tổ TK&VV. Tổ TK&VV thông báo Danh sách người được vay, thời gian và địa điểm giải ngân đến từng người vay.

## **8. Tổ chức giải ngân**

a) NHCSXH thực hiện giải ngân trực tiếp cho người vay. Khi nhận tiền, người vay phải có Giấy chứng minh nhân dân. Trường hợp, người đứng tên vay vốn không đến nhận tiền vay thì có thể uỷ quyền cho thành viên khác trong hộ (người đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự) đến nhận tiền vay nhưng phải có Giấy uỷ quyền của người đứng tên vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã.

b) Khi phát tiền vay, cán bộ NHCSXH ghi đầy đủ nội dung và yêu cầu người vay ký vào phần nhận tiền vay theo quy định trên Sổ vay vốn (bao gồm cả Sổ lưu tại NHCSXH và Sổ người vay giữ) để theo dõi.

## **9. Thu nợ gốc, thu lãi**

### **a) Thu nợ gốc**

- Trước 30 ngày của thời hạn trả nợ cuối cùng, NHCSXH gửi tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác Thông báo danh sách nợ đến hạn của Tổ TK&VV (theo mẫu số 19/TD đính kèm) để thông báo cho Tổ trưởng Tổ TK&VV đôn đốc người vay trả nợ cho NHCSXH.

- Người vay đến Điểm giao dịch của NHCSXH đặt tại UBND cấp xã (theo lịch giao dịch) để trực tiếp trả nợ gốc cho NHCSXH. Việc thu nợ gốc được thực hiện một lần vào ngày trả nợ cuối cùng. Trường hợp người vay trả nợ trước hạn, NHCSXH nơi cho vay tiến hành thu nợ và hạch toán theo quy định.

## b) Thu lãi

NHCSXH nơi cho vay thực hiện việc thu lãi theo định kỳ hàng tháng. Đối với Tổ TK&VV đã được NHCSXH uỷ nhiệm thu lãi cho Tổ trưởng thì người vay nộp lãi tiền vay thông qua Tổ trưởng trên cơ sở Biên lai thu lãi của NHCSXH. Đối với Tổ TK&VV không được NHCSXH uỷ nhiệm thu lãi thì người vay theo lịch đến Điểm giao dịch của NHCSXH đặt tại UBND cấp xã để trực tiếp trả lãi cho NHCSXH.

## 10. Xử lý nợ đến hạn

Đến hạn trả nợ nhưng người vay chưa trả được nợ thì NHCSXH nơi cho vay căn cứ vào thực tế để xử lý cho phù hợp, cụ thể:

a) Nếu hộ vay còn thuộc diện hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo chuẩn quy định và có nhu cầu tiếp tục sử dụng vốn thì NHCSXH nơi cho vay xem xét cho người vay được kéo dài thời hạn trả nợ một hoặc nhiều lần nhưng tổng thời gian kéo dài tối đa không quá 5 năm (60 tháng). Trường hợp này, người vay có giấy Đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09/TD) gửi NHCSXH để phê duyệt.

b) Nếu hộ vay đã thoát khỏi diện hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo chuẩn quy định nhưng chưa thoát nghèo theo chuẩn hộ nghèo và hộ gặp khó khăn tài chính tạm thời chưa có nguồn trả nợ thì NHCSXH nơi cho vay xem xét cho người vay được kéo dài thời gian trả nợ một hoặc nhiều lần nhưng tổng thời gian kéo dài tối đa không quá 2,5 năm (30 tháng). Trường hợp này, người vay có Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09/TD) gửi NHCSXH để phê duyệt.

c) Nếu hộ vay đã thoát nghèo theo chuẩn hộ nghèo thì phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp hộ vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì NHCSXH chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.

## 11. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của hộ vay

### a) Tổ tiết kiệm và vay vốn

Thường xuyên làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, đôn đốc tổ viên trong Tổ TK&VV sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ, trả lãi đúng kỳ hạn cam kết.

### b) Tổ chức chính trị - xã hội cấp xã

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận tiền vay, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã làm ủy thác phải hoàn thành việc kiểm tra sử dụng vốn vay của từng người vay theo mẫu số 06/TD.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của người vay và thông báo kịp thời cho NHCSXH nơi cho vay về các trường hợp sử dụng vốn vay sai mục đích, vay ké, bỏ trốn, chết, mất tích, bị rủi ro do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn...) để có biện pháp xử lý kịp thời.

## 12. Xử lý nợ bị rủi ro

Đối với các hộ gặp rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc khó khăn bất khả kháng khác không trả được nợ thì được xử lý rủi ro theo Quy chế xử lý nợ bị rủi ro hiện hành của NHCSXH.

### **13. Công tác kế hoạch**

Hàng năm, NHCSXH phối hợp với UBND địa phương lập kế hoạch nhu cầu vốn cho vay đối với chương trình cho vay hộ DTTS ĐBKK gửi NHCSXH cấp trên trực tiếp theo quy định hiện hành của NHCSXH.

### **14. Hạch toán kế toán**

NHCSXH nơi cho vay hạch toán các khoản cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ DTTS ĐBKK vào tài khoản "Cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn" theo chế độ quy định.

### **15. Chế độ báo cáo, thống kê**

Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố thực hiện báo cáo, thống kê hàng tháng theo Quyết định số 1466/QĐ-NHCS ngày 17/6/2011 của Tổng giám đốc NHCSXH về việc báo cáo, thống kê áp dụng trong hệ thống NHCSXH.

### **16. Về chi trả phí dịch vụ uỷ thác và hoa hồng**

Việc trả phí dịch vụ uỷ thác và hoa hồng được thực hiện 01 tháng một lần tính trên số dư nợ bình quân tháng theo quy định:

- Phí dịch vụ uỷ thác trả cho tổ chức chính trị - xã hội cấp xã là 0,03%/tháng.
- Hoa hồng trả cho Tổ TK&VV là 0,05%/tháng.

**17. Thời hạn triển khai:** Triển khai cho vay đến ngày 31/12/2015.

### **18. Tổ chức thực hiện**

a) NHCSXH các địa phương có các xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn theo Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg và các Quyết định khác của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung các xã, thị trấn vào Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn có trách nhiệm báo cáo UBND và Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp để triển khai thực hiện Quyết định 54/2012/QĐ-TTg.

b) Tổ chức phổ biến nội dung Quyết định 54/2012/QĐ-TTg tới cán bộ NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, Tổ TK&VV và UBND cấp xã để triển khai chương trình cho vay đúng quy định.

c) Tổ chức tuyên truyền và công khai chủ trương, chính sách, danh sách hộ vay vốn, công khai dư nợ tới đông đảo quần chúng nhân dân biết để giám sát việc thực hiện chính sách tín dụng đối với hộ DTTS ĐBKK.

d) Các khoản dư nợ cho vay hộ DTTS ĐBKK theo Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg, NHCSXH nơi cho vay tiếp tục theo dõi, thu hồi, thực hiện xử lý nợ đến hạn theo quy định hiện hành tại văn bản số 678/NHCS-TD ngày 22/4/2007 về việc hướng dẫn thực hiện cho vay theo Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg, văn bản số 1953/NHCS-TDNN ngày 28/5/2012 về việc hướng dẫn chuyển nợ quá hạn chương trình cho vay hộ DTTS ĐBKK của Tổng Giám đốc NHCSXH và Quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 27/01/2011 của Hội đồng quản trị NHCSXH.

Trên đây là hướng dẫn của Tổng Giám đốc về cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg. Những điểm không hướng dẫn tại văn bản này, NHCSXH các cấp thực hiện theo quy định tại Quyết định 54/2012/QĐ-TTg và Thông tư số 02/2013/TT-UBDT. Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày 08/8/2013. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, chi nhánh báo cáo Hội sở chính NHCSXH (qua Ban Tín dụng người nghèo) để xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- VP Chính phủ; } (Để b/c)
- Ủy ban Dân tộc; }
- HLH Phụ nữ VN; }
- Hội Nông dân VN; } (Để p/hợp
- Hội CCB VN; } thực hiện)
- TW ĐTN CS HCM;
- Chủ tịch và các thành viên HĐQT (để b/c);
- Tổng Giám đốc;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Các Ban CMNV tại HSC;
- SGD, TTĐT, TT CNTT;
- CN NHCSXH các tỉnh, TP;
- Website NHCSXH;
- Lưu: VT, TK, PC, TDNN.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Lý**